

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày 09 – 5 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thanh P, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà P: Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã P, huyện P1, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023 (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp H1, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp H1, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà Đoàn Thanh P và lời trình bày tại phiên tòa của anh Lê Hoàng L, thể hiện:

Do mối quan hệ quen biết, ông Lê Hoàng K đã mua thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp của bà P để nuôi tôm công nghiệp (do ông K trực tiếp đứng ra

giao dịch); Khi thực hiện việc mua, bà P ghi sổ theo dõi, ông K ký nhận. Tính đến ngày 21/4/2029 âm lịch ông K ký nhận còn thiếu tổng số tiền là 167.791.000 đồng; sau đó ông K đã trả được 15.000.000 đồng và còn thiếu lại 152.791.000 đồng (xác nhận công nợ ngày 23/4/2019). Bà P đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông K không thực hiện; do ông K, bà H là vợ chồng nên bà H phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bà P nên anh L yêu cầu ông K, bà H trả lại số tiền còn thiếu nêu trên cho bà P.

** Lời trình bày tại phiên tòa của ông Lê Hoàng K, thể hiện:* Do mối quan hệ quen biết nên bà P kêu ông về để nuôi tôm công nghiệp và bà P sẽ đầu tư, bán thức ăn nuôi tôm cho gia đình ông. Lúc này ông về đầu tư ao đất để nuôi tôm công nghiệp, khi đó ông đã mua thức ăn, vật tư thủy sản của bà P với tổng số tiền 167.791.000 đồng. Do nuôi tôm thất nên ông đã trả cho bà P được 15.000.000 đồng, lúc này bà P yêu cầu phải đầu tư ao bạt nhưng do không có điều kiện nên bà P không tiếp tục đầu tư, lúc này ông có nói với bà P nếu không đầu tư tiếp thì không được đòi. Từ sau khi ngưng đầu tư đến nay, bà P không đến gặp ông để yêu cầu số nợ trên. Tại phiên tòa, ông K xác định, các giao dịch liên quan đến mua thức ăn tôm do ông thực hiện, không liên quan đến bà H (vợ ông), hiện nay ông và bà H là vợ chồng vẫn còn sống, sinh hoạt chung.

Qua yêu cầu của bà P ông thừa nhận còn thiếu số tiền 152.791.000 đồng nhưng không có khả năng nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

** Đối với bà Lê Thị H:* Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng bà H không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Đoàn Thanh P khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng K, bà Lê Thị H trả số tiền mua thuốc, thức ăn còn thiếu nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo biên bản làm việc xác nhận công nợ ngày 23/4/2019 thì ông K còn thiếu tiền mua thuốc, thức ăn thủy sản bà P số tiền là 152.791.000 đồng; tại phiên tòa, ông K thừa nhận còn thiếu số nợ trên. Đối với bà H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Khi đối chiếu khoản nợ đến ngày 23/4/2019 thì ông K trực tiếp ký và thừa nhận còn thiếu số tiền

152.791.000 đồng nên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu nghĩa vụ liên đới trả nợ của nguyên đơn thấy rằng: Hiện nay giữa ông K, bà H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, có cuộc sống và sinh hoạt chung nên bà H phải có trách nhiệm liên đới cùng ông K trả nợ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, anh L yêu cầu bà H liên đới cùng ông K phải trả cho bà P số tiền 152.791.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông K, bà H phải chịu số tiền là: 152.791.000 đồng x 5% = 7.639.550 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh P. Buộc ông Lê Hoàng K, bà Lê Thị H trả cho bà P số tiền 152.791.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông K, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông K, bà H phải chịu 7.639.550 đồng (bảy triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng) (chưa nộp).

- Bà P không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà P số tiền 3.820.000 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013783 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn